

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUÂN KHU 4 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Trần Văn Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Dương Văn Vinh.

1// Nguyễn Đình Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: 2/ Nguyễn Thị Cẩm Tú – Thư ký
Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng tham gia phiên tòa: 2// Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 23/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HS ngày 06/6/2023 đối với các bị cáo:

01. Đỗ Văn T; Sinh ngày 25/10/1979 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Y1 và bà Lê Thị A1; Có vợ là Đặng Thị H1 và 03 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Bị tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021, tạm giam từ ngày 09/7/2021 đến ngày 29/9/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

02. Đỗ Văn H; Sinh ngày 02/01/1975 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Đ1 (Đã chết) và bà Đinh Thị D1; Có vợ là Đỗ Thị T1 và 02 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/8/2013 bị Công an huyện ML tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, vi phạm này đã được xóa và coi như chưa vi phạm. Bị tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

03. Đỗ Ngọc D; Sinh ngày 16/10/1991 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T2 và bà Nguyễn Thị Q1; Có vợ là Đỗ Thị B1 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

04. Đỗ Văn K; Sinh ngày 10/3/1974 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản PO, xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn C1 (Đã chết) và bà Lê Thị B2; Có vợ là Đỗ Thị Q2 và 02 con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/12/2004 bị Công an huyện TX1, tỉnh Thanh Hóa xử phạt số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng về hành vi điều khiển xe mô tô không có giấy phép (tự ngã); Bị tạm giữ từ ngày 01/7/2021 đến ngày 10/7/2021, tạm giam từ ngày 10/7/2021 đến ngày 29/9/2021; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

05. Lê Huy N; Sinh ngày 25/4/1983 tại xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Huy H2 và bà Nguyễn Thị V1; Có vợ là Trần Thị T3 và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/8/2017 bị Công an huyện ML tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng đồng về hành vi đánh bạc, vi phạm này đã được xóa và coi như chưa vi phạm. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

06. Lò Văn T; Sinh ngày 07/5/1976 tại xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CA, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công chức; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PN, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: Cử nhân; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn P1 và bà Lương Thị P2 (Đã chết); Có vợ là Lộc Thị X1 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

07. Lộc Văn Q; Sinh ngày 12/12/1974 tại xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản SA, xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên; Chức vụ: Hiệu phó Trường tiểu học xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: Cử nhân; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lộc Văn M1 và bà Lương Thị P3; Có vợ là Lò Thị L1 và 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

08. Hoàng Đình Q; Sinh ngày 02/6/1982 tại xã YT, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản PU, xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Duy N1 và bà Nguyễn Thị T4; Có vợ là Mai Thị H0 và 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

09. Đinh Thanh T; Sinh ngày 10/02/1990 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú khu PA, thị trấn SL, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Thanh D1 và bà Đỗ Thị T2; Có vợ là Đỗ Thị H3 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

10. Nguyễn Văn V; Sinh ngày 06/5/1971 tại xã QY, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N2 (Đã chết) và bà Lê Thị B3 (Đã chết); Có vợ là Lò Thị Ê1 và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 60 ngày 04/6/1997 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 198 Bộ luật hình sự năm 1985), vi phạm này đã được xóa và coi như chưa vi phạm. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

11. Đỗ Huy H; Sinh ngày 14/4/1984 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú Khu 2, Thị trấn ML, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Huy B4 và bà Đỗ Thị T3; Có vợ là Đỗ Thị V2 và 05 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

12. Vi Văn N; Sinh ngày 13/3/1976 tại xã PN, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú bản PT, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên, Trường tiểu học MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: Cử nhân; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn T5 và bà Đinh Thị V3 (Đã chết); Có vợ là Lương Thị S1 và 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

13. Nguyễn Văn N; Sinh ngày 20/12/1979 tại xã XT1, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú Đồn biên phòng QC, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Đại úy quân nhân chuyên

nghiệp, Nhân viên phòng chống ma túy, Đoàn biên phòng QC, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị T6; Có vợ là Nguyễn Thị H4 và 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

14. Đỗ Xuân P1; Sinh ngày 19/5/1964 tại xã TK, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú Khu 2, thị trấn ML, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 06/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Đ2 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H5; Có vợ là Nguyễn Thị Y2 và 02 con đều đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

15. Hà Thị B; Sinh ngày 14/4/1987 tại khu TT, thị trấn ML, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn M2 và bà Lương Thị K1; Có chồng là Vi Văn H7 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

16. Nguyễn Văn C; Sinh ngày 20/12/1983 tại xã BĐ, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản NG, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Giáo viên, Trường Trung học cơ sở xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: Cử nhân; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T7 (Đã chết) và bà Dương Thị N3; Có vợ là Nguyễn Thị Thu H6 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

17. Đỗ Đình Đ; Sinh ngày 05/10/1974 tại xã TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú bản BH, xã NM, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Đình N4 (Đã chết) và bà Đỗ Thị C1; Có vợ là Đỗ Thị H8 và 04 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

18. Hoàng Viêt H; Sinh ngày 24/8/1989 tại thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú Tiểu khu 10, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Viêt N5 và bà

Hoàng Thị V4; Có vợ là Phạm Thị T8 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

01. Lương Văn H01; Vắng mặt.
02. Lộc Văn T01; Vắng mặt.
03. Lương Thị P01; Vắng mặt.
04. Đỗ Huy H01; Vắng mặt.
05. Vi Văn T01; Vắng mặt.
06. Trịnh Viết Đ01; Vắng mặt.
07. Nguyễn Bằng G01; Vắng mặt.
08. Đỗ Khắc H01; Vắng mặt.
09. Đỗ Đình T01; Vắng mặt.
10. Đỗ Đình Q01; Vắng mặt.
11. Dương Thị N01; Vắng mặt.
12. Đình Văn T01; Vắng mặt.
13. Lục Văn S01; Vắng mặt.
14. Nguyễn Văn Q01; Vắng mặt.
15. Quán Đình N01; Vắng mặt.
16. Hoàng Sỹ M01; Vắng mặt.
17. Đình Thành N01; Vắng mặt.
18. Trần Văn D01; Vắng mặt.
19. Vi Văn T01; Vắng mặt.
20. Phạm Thị T01; Vắng mặt.

- *Những người làm chứng.*

01. Đỗ Thị H01; Vắng mặt.
02. Đỗ Văn N01; Vắng mặt.
03. Trần Thị T01; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình xác minh tin báo tội phạm xảy ra trên địa bàn xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ML, tỉnh Thanh

Hóa làm việc với Lương Văn H01 trú tại bản CA, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa thì phát hiện trong điện thoại cá nhân của Lương Văn H01 có nội dung tin nhắn mua, bán số lô, đề với Đỗ Văn T trú tại bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 30/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa đã triệu tập và làm việc với Đỗ Văn T. Tại Cơ quan Công an Đỗ Văn T đã thừa nhận hành vi mua bán số lô, đề, tiến hành kiểm tra điện thoại cá nhân của Đỗ Văn T phát hiện nhiều tin nhắn SMS và tài khoản mạng xã hội Zalo, Facebook có nội dung mua bán số lô, đề với nhiều đối tượng, khám xét tại nhà của Đỗ Văn T tại bản Chai, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa, Cơ quan Công an thu giữ các mảnh giấy ghi các nội dung liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề và số tiền mặt 90.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng để điều tra bổ sung 02 lần vì có căn cứ xác định còn có những người khác thực hiện hành vi mua bán số lô, đề và còn có những hành vi mua bán số lô, đề xảy ra trong những ngày khác nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra bổ sung Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng đã kiểm tra và trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với 06 chiếc điện thoại thu giữ của Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn K, Đỗ Huy H, Lò Văn T và Vi Văn N, kết quả kiểm tra và trưng cầu giám định phát hiện nhiều tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, Facebook có nội dung liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề. Hành vi mua bán số lô, đề của các bị cáo và những người có liên quan trong vụ án diễn ra như sau:

Lợi dụng Kết quả Xổ số Miền Bắc mở thưởng hằng ngày các bị cáo đã thực hiện hành vi cá cược được thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô, đề với tỷ lệ như sau: Đề là 02 số cuối của giải đặc biệt với tỷ lệ 01 x 70 lần; Lô là 02 số cuối của tất cả các giải với tỷ lệ 01 điểm lô = 23.000 đồng và nếu thắng cược là 01 điểm lô = 80.000 đồng; Lô xiên 02 nghĩa là 02 cặp số cuối của 02 giải, tỷ lệ là 01 x 10 lần; Lô xiên 03 là 03 cặp số cuối của 03 giải, tỷ lệ là 01 x 40 lần.

1. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Đỗ Văn H.

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2020 đến 30/6/2021 Đỗ Văn T đã sử dụng số điện thoại 0973981200 liên lạc với số điện thoại 0387723067 của Đỗ Văn H để mua số lô, đề tổng cộng là 83 ngày với số tiền đánh bạc là 1.673.130.000 đồng (Số tiền cược là 920.730.000 đồng và số tiền thắng cược là 752.400.000 đồng). Trong tổng số 83 ngày có 06 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 14.700.000 đồng và có 70 ngày có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền 1.213.580.000 đồng và có 07 ngày số tiền trên 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền 444.850.000 đồng.

2. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Đỗ Văn K.

Đỗ Văn T đã sử dụng số điện thoại 0973981200 liên lạc với số điện thoại 0862308368 của Đỗ Văn K để mua bán số lô, đề, cụ thể như sau:

Đỗ Văn T mua số lô, đề của Đỗ Văn K ngày 15/5/2021 số tiền đánh bạc là 17.200.000 đồng (Số tiền cược là 9.200.000 đồng và số tiền trúng cược là 8.000.000 đồng).

Ngày 30/6/2021 Đỗ Văn T mua số lô, đề của Đỗ Văn K số tiền đánh bạc là 27.650.000 đồng (Số tiền cược 10.650.000 đồng và số tiền trúng cược 17.000.000 đồng) và Đỗ Văn K mua số lô, đề của Đỗ Văn T với số tiền đánh bạc là 46.350.000 đồng (Số tiền cược 10.350.000 đồng và số tiền trúng cược 36.000.000) số tiền đánh bạc giữa Đỗ Văn T và Đỗ Văn K ngày 30/6/2021 là $27.650.000 + 46.350.000 = 74.000.000$ đồng.

Số tiền đánh bạc giữa Đỗ Văn T và Đỗ Văn K là 91.200.000 đồng.

Ngoài ra trong điện thoại di động của Đỗ Văn T lưu trữ các bức ảnh chụp mà Đỗ Văn K gửi qua ứng dụng Zalo, theo lời khai của Đỗ Văn T và Đỗ Văn K tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án thể hiện các bức ảnh chụp là kết quả tính toán, thắng thua liên quan đến việc mua bán số lô, đề mà Đỗ Văn K tổng hợp gửi cho Đỗ Văn T, làm cơ sở để thanh toán với nhau, cụ thể:

Ngày 26/6/2021 Đỗ Văn T đặt cược số tiền 8.290.000 đồng và thắng cược số tiền 6.700.000 đồng; Đỗ Văn K đặt cược số tiền 9.510.000 đồng và thắng cược số tiền 36.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2021 Đỗ Văn K đặt cược số tiền 14.000.000 đồng và trúng cược số tiền 29.600.000 đồng.

Tuy nhiên, cũng theo lời khai của Đỗ Văn T và Đỗ Văn K thì hành vi mua bán số lô, đề trong ngày 26/6/2021 và ngày 30/6/2021 các bị cáo không nhớ đã đặt cược mua, bán cụ thể số lô, đề nào, số tiền cược mỗi số là bao nhiêu và không nhớ đã trúng số lô, đề nào, số tiền cược bao nhiêu và không có căn cứ liệu khác liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề trong hai ngày trên.

3. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Nguyễn Văn C.

Nguyễn Văn C sử dụng số điện thoại 0869127345 để mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 9.400.000 đồng (Số tiền cược là 4.600.000 đồng và số tiền thắng cược 4.800.000 đồng).

4. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Lò Văn T.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2021 đến ngày 30/6/2021 Lò Văn T sử dụng số điện thoại 0335202555 đặt mua số lô, đề của Đỗ Văn T tổng cộng là 13 ngày với tổng số tiền 27.980.000 đồng (Số tiền cược là 15.180.000 đồng và số tiền thắng cược là 12.800.000 đồng). Trong 13 ngày có 11 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 15.380.000 đồng và có 02 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tương ứng với số tiền là 12.600.000 đồng.

5. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Vi Văn N.

Vi Văn N sử dụng tài khoản Zalo có tên “Vi Nhui” nhắn tin đến tài khoản Zalo “Tứ Hồng” của Đỗ Văn T để mua số lô, đề ngày 30/6/2021 với số tiền đánh

bạc là 5.490.000 đồng (Số tiền cược là 690.000 đồng và số tiền trúng cược là 4.800.000 đồng).

Ngoài ra, Vi Văn N còn sử dụng số điện thoại 0962647801 nhắn tin đến số điện thoại 0973981200 của Đỗ Văn T để mua số lô, đề vào các ngày 02/7/2019 và ngày 03/7/2019. Theo lời khai của Vi Văn N và Đỗ Văn T tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án thì trong nội dung các tin nhắn trên không thể hiện số tiền cược mua nên Đỗ Văn T không đồng ý bán các số lô, đề trên nên hành vi mua bán số lô, đề của Vi Văn N và Đỗ Văn T ngày 02, 03/7/20219 không diễn ra.

6. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Nguyễn Văn V.

Nguyễn Văn V trực tiếp ghi vào phôi và đưa cho Đỗ Văn T để mua số lô, đề ngày 30/6/2021 số tiền đánh bạc là 5.270.000 đồng (Số tiền cược 2.070.000 đồng và số tiền trúng cược 3.200.000 đồng).

7. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Nguyễn Văn N.

Nguyễn Văn N sử dụng số điện thoại 0342840888 liên lạc với số điện thoại 0973981200 của Đỗ Văn T để mua số lô, đề ngày 30/6/2021 với số tiền đánh bạc là 12.600.000 đồng (Số tiền cược là 4.600.000 đồng và số tiền thắng cược là 8.000.000 đồng).

Ngoài ra theo lời khai của Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án thể hiện vào khoảng giữa tháng 6/2021 Nguyễn Văn N đặt mua số lô, đề của Đỗ Văn T nhưng không nhớ cụ thể đã mua vào ngày, tháng, mua những số lô, đề nào, số tiền cược mỗi số là bao nhiêu và không có chứng cứ tài liệu nào khác chứng minh và thua cược số tiền khoảng 4.600.000 đồng đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Đỗ Văn T.

8. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Đỗ Xuân P.

Đỗ Xuân P sử dụng số điện thoại 0982247223 liên lạc với số điện thoại 0973981200 của Đỗ Văn T để mua số lô, đề, tổng cộng 03 ngày gồm ngày 26, 27, 29 tháng 6/2021 với số tiền 9.170.000 đồng. Trong tổng số 03 ngày có 02 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 1.900.000 đồng và 01 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, ngày 29/6/2021 với số tiền đánh bạc là 7.270.000 đồng (Số tiền cược 2.170.000 đồng và số tiền trúng cược 5.100.000 đồng). Ngoài ra, ngày 30/6/2021 Đỗ Xuân P mua số lô, đề của Đỗ Văn T với số tiền đánh bạc là 600.000 đồng và Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng đề nghị Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính.

9. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Đỗ Đình Đ.

Đỗ Đình Đ sử dụng số điện thoại 0386263964 liên lạc với số điện thoại 0973981200 của Đỗ Văn T để mua số lô, đề vào ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 7.000.000 đồng (Số tiền cược là 7.000.000 đồng và không trúng cược).

10. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Hoàng Viết H.

Hoàng Viết H sử dụng số điện thoại 0971918981 đặt cược mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 8.050.000 đồng (Số tiền cược là 4.550.000 đồng và số tiền trúng cược là 3.500.000).

11. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn T với Đỗ Huy H.

Đỗ Huy H sử dụng số điện thoại 0963792809 đặt cược mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với số tiền đánh bạc là 6.310.000 đồng (Số tiền cược là 1.910.000 đồng và số tiền trúng cược là 4.400.000 đồng).

Ngoài ra, từ file ghi âm cuộc gọi được lưu trữ trong điện thoại di động của Đỗ Văn T, xác định trong ngày 29/6/2021 Đỗ Huy H có mua số lô, đề của Đỗ Văn T đây là số lô, đề của Lê Văn MM (Lô 17) và Đỗ Văn HH (Lô 61) là người thân của Đỗ Huy H nhờ mua hộ nhưng chưa nói về mức tiền cược thì cuộc gọi bị ngắt.

12. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Lò Văn T với Hà Thị B.

Từ ngày 04/7/2021 đến ngày 10/7/2021 Lò Văn T sử dụng mạng xã hội Zalo với tên tài khoản “Giới Biên Miền” nhắn tin đến tài khoản Zalo có tên “Biển Đông” của Hà Thị B và số điện thoại 0335202555 của Lò Văn T liên lạc với số điện thoại 0364445221 của Hà Thị B đặt cược mua số lô, đề với tổng cộng 05 ngày với số tiền đánh bạc là 12.460.000 đồng (Số tiền đặt cược 6.060.000 và số tiền thắng cược là 6.400.000 đồng). Trong tổng số 05 ngày có 04 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 6.160.000 đồng và có 01 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, ngày 04/7/2021 với số tiền đánh bạc là 6.300.000 đồng (Số tiền đặt cược là 2.300.000 đồng và số tiền trúng cược là 4.000.000 đồng).

13. Hành vi mua bán số lô, đề của Lò Văn T với Đỗ Ngọc D.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/4/2021 đến ngày 17/6/2021 Lò Văn T sử dụng số điện thoại 0335202555 liên lạc với số điện thoại 0369997898 của Đỗ Ngọc D đặt cược mua số lô, đề với tổng cộng là 47 ngày với tổng số tiền là 159.390.000 đồng (Số tiền cược là 76.990.000 đồng và số tiền trúng cược là 82.400.000 đồng). Trong tổng số 47 ngày có 38 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 97.100.000 đồng và có 09 ngày số tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền đánh bạc là 62.290.000 đồng.

14. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn H với Đỗ Ngọc D.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2020 đến ngày 30/6/2021 Đỗ Ngọc D sử dụng số điện thoại 0369997898 liên lạc với số điện thoại 0387723067 của Đỗ Văn H để mua số lô, đề tổng cộng là 143 ngày với tổng số tiền 1.250.565.000 đồng (Số tiền đặt cược là 735.865.000 đồng và tiền thắng cược là 514.700.000 đồng). Trong tổng số 143 ngày có 64 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 145.075.000 đồng và có 78 ngày số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền 983.660.000

đồng và có 02 ngày số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền 121.830.000 đồng.

15. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn H với Lê Huy N.

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2020 đến ngày 30/6/2021 Lê Huy N sử dụng các số điện thoại 0382816474; 0372024312; 0912652706 liên lạc với số điện thoại 0387723067 của Đỗ Văn H để mua số lô, đề tổng cộng là 151 ngày với tổng số tiền đánh bạc là 1.069.254.000 đồng (Số tiền đặt cược là 542.264.000 đồng và số tiền thắng cược là 526.990.000 đồng). Trong tổng số 151 ngày có 70 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 207.957.000 đồng và có 81 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền là 861.297.000 đồng (Số tiền cược là 404.407.000 và số tiền thắng cược là 456.890.000 đồng).

16. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn H với Lộc Văn Q.

Trong khoảng thời gian từ 03/10/2020 đến ngày 27/6/2021 Lộc Văn Q sử dụng số điện thoại 0978731243 liên lạc với số điện thoại 0387723067 của Đỗ Văn H đặt cược mua số lô, đề tổng cộng là 43 ngày với số tiền 217.230.000 đồng (Số tiền cược là 117.730.000 đồng và tiền thắng cược là 99.500.000 đồng). Trong tổng số 43 ngày có 33 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 80.680.000 đồng và có 10 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền đánh bạc là 136.550.000 đồng.

17. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn H với Hoàng Đình Q.

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2021 đến ngày 27/6/2021 Hoàng Đình Q sử dụng số điện thoại 0965644696 và 0363248378 liên lạc với số điện thoại 0387723067 của Đỗ Văn H đặt cược mua số lô, đề tổng cộng là 18 ngày với tổng số tiền 64.610.000 đồng (Số tiền đặt cược là 44.610.000 đồng và tiền trúng cược là 20.000.000 đồng). Trong 18 ngày có 14 ngày số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng tương ứng với số tiền 34.860.000 đồng và có 04 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền là 29.750.000 đồng.

18. Hành vi mua bán số lô, đề giữa Đỗ Văn H với Đinh Thanh T.

Trong thời gian 03 ngày 11,26/12/2020, 08/5/2021 Đỗ Văn H sử dụng số điện thoại 0387723067 để liên lạc với số điện thoại 0949760026 của Đinh Thanh T đặt cược mua số lô, đề tổng cộng có 03 ngày số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng tương ứng với số tiền đánh bạc là 39.504.000 đồng (Số tiền cược là 27.604.000 đồng và số tiền thắng cược là 11.900.000 đồng).

Ngoài ra, các bị cáo trong vụ án còn có hành vi mua bán số lô, đề với các đối tượng khác với số tiền dưới 5.000.000 đồng, cụ thể như sau:

01. Trịnh Viết Đ01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T 02 ngày cụ thể ngày 27/6/2021 số tiền cược là 230.000 đồng và ngày 30/6/2021 số tiền cược là 965.000 đồng và thua hết cả hai ngày.

02. Lương Thị P01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T tổng cộng 05 ngày cụ thể ngày 26/6/2021 là 890.000 đồng; ngày 27/6/2021 là 645.000 đồng; ngày 28/6/2021 là 390.000 đồng; ngày 29/6/2021 là 1.400.000 đồng; ngày 30/6/2021 là 1.100.000 đồng.

03. Vi Văn T01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 số tiền đánh bạc là 2.480.000 đồng.

04. Đỗ Huy H01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 29/6/2021 số tiền đánh bạc là 1.000.000 đồng.

05. Nguyễn Bằng G01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T tổng cộng là 02 ngày là ngày 26/6/2021 là 1.260.000 đồng; ngày 29/6/2021 là 1.260.000 đồng.

06. Đỗ Khắc H01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 28/6/2021 số tiền đánh bạc là 3.350.000 đồng.

07. Nguyễn Văn Q01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 280.000 đồng.

08. Hoàng Sỹ M01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 460.000 đồng.

09. Quán Đình N01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 730.000 đồng.

10. Đình Văn T01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 330.000 đồng và Đình Văn T01 mua số lô, đề của Đỗ Văn H 26 ngày dưới 5.000.000 đồng với số tiền đánh bạc là 26.750.000 đồng.

11. Lục Văn S01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với số tiền đánh bạc là 240.000 đồng.

12. Lương Văn H01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T 02 ngày, gồm ngày 06/6/2021 là 100.000 đồng và ngày 17/6/2021 là 200.000 đồng.

13. Lộc Văn T01 đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với số tiền đánh bạc là 965.000 đồng.

14. Đỗ Ngọc D mua số lô, đề của Đỗ Văn T vào ngày 30/6/2021 với số tiền đánh bạc là 1.000.000 đồng và đã bị Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng đề nghị Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính.

15. Trần Văn D01 mua số lô, đề của Đỗ Văn H tổng cộng 02 ngày cụ thể ngày 15/11/2020 là 770.000 đồng và ngày 20/11/2020 là 550.000 đồng và ngày 24/9/2020 sử dụng số điện thoại 0372024312 của Lê Huy N để mua số lô, đề của Đỗ Văn T với số tiền đánh bạc là 220.000 đồng.

16. Đỗ Huy H mua số lô, đề của Đỗ Văn H ngày 07/02/2021 là 350.000 đồng và ngày 31/01/2021 là 300.000 đồng.

17. Lương Xe C01 sử dụng số điện thoại 0977789366 mua số lô, đề của Đỗ Văn H 01 ngày với số tiền đánh bạc là 100.000 đồng.

18. Vi Văn N đã mua số lô, đề của Đinh Thành N01 ngày 03/7/2019 với số tiền đánh bạc là 2.890.000 đồng.

19. Vi Văn T01 đã nhắn tin nhờ Lò Văn T mua số lô, đề tổng cộng là 04 ngày nhưng Lò Văn T không nhớ là đã gửi các số lô, đề mà Vi Văn T01 mua cho ai, gồm ngày 15/10/2020 là 460.000 đồng; ngày 26/10/2020 là 460.000 đồng; ngày 05/11/2020 là 460.000 đồng; ngày 06/11/2020 là 920.000 đồng.

20. Đỗ Thị H01 là vợ của Đinh Thanh T, Đỗ Thị H01 đã nhận số lô, đề từ người mua sau đó chuyển cho Đinh Thanh T, Đỗ Thị H01 đã nhận số lô, đề của các đối tượng gồm: Đỗ Đình T01 ngày 29/5/2021 là 920.000 đồng; Đỗ Đình Q01 ngày 15/6/2021 là 100.000 đồng và Dương Thị N01 ngày 30/6/2021 là 140.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo lời khai của bị cáo Đỗ Văn T và Đỗ Văn K tại phiên tòa thể hiện trong ngày 26/6/2021 và ngày 30/6/2021 các bị cáo không nhớ đã đặt cược mua, bán cụ thể số lô, đề nào, số tiền cược mỗi số là bao nhiêu và không nhớ đã trúng số lô, đề nào, số tiền cược bao nhiêu và không có căn cứ liệu khác liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề trong hai ngày trên.

Theo lời khai của Đỗ Văn T và Vi Văn N tại phiên tòa vào ngày 02, 03/7/2019 thì Vi Văn N có nhắn tin các số lô, đề nhưng trong nội dung các tin nhắn trên không thể hiện số tiền cược mua nên Đỗ Văn T không đồng ý bán các số lô, đề trên nên hành vi mua bán số lô, đề của Vi Văn N và Đỗ Văn T ngày 02, 03/7/2019 không diễn ra.

Theo lời khai của Đỗ Huy H và Đỗ Văn T tại phiên tòa thì vào ngày 29/6/2021 Đỗ Huy H có gọi điện thoại cho Đỗ Văn T để đặt mua số lô 61, 17 đây là số lô của Lê Văn MM (Lô 17) và Đỗ Văn HH (Lô 61) nhưng chưa nói về mức cược thì cuộc gọi bị ngắt nên hành vi mua bán số lô, đề chưa diễn ra.

Theo lời khai của Đỗ Văn H, Đỗ Văn T, Đỗ Ngọc D, Lộc Văn Q, Lò Văn T, Hoàng Đình Q tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đã thanh toán tiền mua bán số lô, đề bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản như sau: Đỗ Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 117.050.000 đồng; Lò Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn T số tiền 4.170.000 đồng; Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 93.365.000 đồng; Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Lò Văn T số tiền 2.730.000 đồng; Lộc Văn Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 25.050.000 đồng; Hoàng Đình Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 15.870.000 và Đỗ Văn H đã thanh toán cho Hoàng Đình Q số tiền 16.450.000 đồng. Bị cáo Đỗ Văn H không thừa nhận việc đã thanh toán cho bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Ngọc D và các bị cáo khác. Đồng thời, các bị cáo khác khai đã thanh toán tiền mua bán số lô, đề trước ngày 30/6/2021 bằng tiền mặt nhưng không có chứng cứ chứng minh việc thanh toán, còn đối với việc mua bán số lô, đề ngày 30/6/2021 chưa thanh toán tiền đặt cược mua số lô, đề và chưa nhận được tiền thắng cược mua số lô, đề.

Theo lời khai của Đỗ Văn H và Đỗ Huy H tại phiên tòa thể hiện trong điện thoại của các bị cáo có lưu trữ các tin nhắn liên quan đến việc mua bán số lô, đề nhưng các bị cáo không nhớ đó là số điện thoại của ai và không xác định được ngày gửi tin nhắn, các bị cáo không xác nhận là đã bán các số lô, đề này và không tính toán được thắng thua đối với các tin nhắn này nên hành vi mua bán số lô, đề không diễn ra.

Tại Biên bản kiểm tra điện thoại nghi liên quan đến việc mua, bán số lô, đề vào hồi 19 giờ 00 phút, ngày 30/6/2021 tại Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa đã kiểm tra điện thoại di động bị tạm giữ từ Đỗ Văn T sinh năm 1979 ở bản CH, xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa 01 (Một) điện thoại di động, màu sữa, nhãn hiệu OPPO F11 PRO, kiểu máy: CPH1969, số IMEI 1: 8639 8004 3440 394, số IMEI 2: 8639 8004 3440 386, IMEI SV: 15, số sê-ri: IF8DDEY59LCAZSUK, máy đã qua sử dụng. Trên máy có gắn 02 (Hai) sim điện thoại gồm: Sim 1 có số thuê bao là 0973981200, sim 2 là 0833854919. Đỗ Văn T cho biết đây là tài sản hợp pháp của mình, do Tư quản lý, sử dụng, không ai dùng chung và bản thân đã dùng điện thoại này mua bán số lô, đề với những người liên quan. Kết quả kiểm tra điện thoại và ghi nhận tại mục tin nhắn SMS (tin nhắn thường); Tài khoản đăng nhập trên ứng dụng ZALO trên điện thoại mang tên “Tứ Hồng” và tài khoản đăng nhập ứng dụng Facebook mang tên “Đỗ Tứ Hồng” đã ghi nhận các nội dung liên quan đến việc mua bán số lô, đề.

Quá trình kiểm tra đã chụp lại màn hình điện thoại nội dung kiểm tra phát hiện thông tin liên quan đến việc mua bán số lô, đề và in ra kèm theo biên bản này cho những người tham gia cùng ký tên xác nhận.

Tại Biên bản khám xét hồi 19 giờ 30 phút ngày 30/6/2021 tại nhà ông Đỗ Văn T, sinh năm 1979 ở bản Chai xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ML tỉnh Thanh Hóa đã phát hiện các mảnh giấy mà Đỗ Văn T khai là phôi lô, đề đã nhận vào ngày 29/6/2021, ngày 30/6/2021 và yêu cầu Đỗ Văn T ký nháy vào tất cả các mảnh giấy này.

Tại Kết luận giám định số 357/KL-KTHS ngày 07/02/2022 và số 02/KL-KTHS ngày 10/02/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã phục hồi, sao lưu và trích xuất phát hiện các tin nhắn SMS, MMS, tin nhắn Zalo, Facebook...trong các điện thoại thu giữ của Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn K, Lò Văn T, Vi Văn N, Đỗ Huy H có liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề.

Tại Biên bản kiểm tra dữ liệu di động bị tạm giữ trong vụ án hồi 17h00 phút ngày 09/10/2022 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng trên chiếc điện thoại di động của Lò Văn T phát hiện trong ứng dụng Zalo có ghi nhận tin nhắn thể hiện việc mua bán số lô, đề.

Tại Biên bản làm việc hồi 09h00 ngày 10/10/2022 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng về kiểm tra điện thoại của Đỗ Văn T tại mục âm thanh phát hiện các file ghi âm có liên quan đến việc mua bán số lô, đề.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 21 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng truy tố các bị can Đỗ Văn T, Đỗ Văn

H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và các bị can Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Viêt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với tất cả 18 bị cáo; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Viêt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Đỗ Đình Đ, Hoàng Đình Q; điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn N.

Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T.

Quan điểm Kiểm sát viên đối với việc bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T có nộp Giấy khen của Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi huyện Quan Hóa, tuy nhiên đây chỉ là tổ chức xã hội từ thiện hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; vận động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bị cáo Đỗ Ngọc D nộp Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023, tuy nhiên đây là phong trào do địa phương phát động bị cáo có trách nhiệm tham gia thực hiện phong trào, đây không phải là hình thức khen thưởng và các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó không xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T.

Trên cơ sở đó Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, phạm tội “Đánh bạc” và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Viêt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K. Xử phạt:

- Đỗ Văn T từ 42 (Bốn mươi hai) tháng đến 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2021 đến ngày 29/9/2021.

- Đỗ Văn H từ 45 (Bốn mươi lăm) tháng đến 51 (Năm mươi một) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021.

- Đỗ Ngọc D từ 39 (Ba mươi chín) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

- Đỗ Văn K từ 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 39 (Ba mươi chín) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/7/2021 đến ngày 29/9/2021.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T. Xử phạt:

- Lê Huy N, Đinh Thanh T mỗi bị cáo số tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Lò Văn T số tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng.

- Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Nguyễn Văn V mỗi bị cáo số tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Xuân P, Đỗ Huy H, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Hoàng Việt H; điểm v khoản 1 đối với Nguyễn Văn N và khoản 2 Điều 51 đối với Đỗ Đình Đ, Vi Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N. Xử phạt:

- Đỗ Xuân P, Đỗ Huy H, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B mỗi bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

- Vi Văn N số tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Hoàng Việt H số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền đã thỏa thuận đánh bạc, cụ thể là:

- Buộc Đỗ Văn T nộp lại số tiền 848.580.000 đồng gồm:

+ 70.860.000 đồng là số tiền đánh bạc giữa T và K (gồm 8.000.000 đồng là số tiền đã được K trả thưởng ngày 15/5/2021 + 6.700.000 đồng là số tiền đã được Khánh trả thưởng ngày 26/6/2021 + 9.510.000 đồng là số tiền K đã đặt cược ngày 26/6/2021 + 10.650.000 là số tiền T đặt cược và sẽ phải trả cho K trong ngày 30/6/2021)

+ 732.700.000 đồng là số tiền đánh bạc giữa Đỗ Văn T và Đỗ Văn H (gồm 717.400.000 đồng là số tiền T thắng cược đã được H thanh toán trước ngày 30/6/2021 + 15.300.000 đồng là số tiền T đặt cược trong ngày 30/6/2021, T sẽ phải trả cho Hồng).

+ 4.400.000 đồng là số tiền Đỗ Huy H thắng cược trong ngày 30/6/2021 mà Đỗ Văn T sẽ phải chi trả.

+ 3.200.000 đồng là số tiền Nguyễn Văn V thắng cược trong ngày 30/6/2021 mà Đỗ Văn T sẽ phải chi trả.

+ 4.800.000 đồng là số tiền Vi Văn N thắng cược trong ngày 30/6/2021 mà Đỗ Văn T sẽ phải chi trả.

+ 6.300.000 đồng là số tiền Lò Văn T đặt cược ngày 29/6/2021 và số tiền Đỗ Văn T sẽ phải trả thưởng cho Lò Văn T do thắng cược ngày 30/6/2021.

+ 8.000.000 đồng là số tiền Nguyễn Văn N thắng cược trong ngày 30/6/2021 mà Tứ sẽ phải chi trả.

+ 2.170.000 đồng là số tiền Đỗ Xuân P đặt cược ngày 29/6/2021 đã thanh toán cho Đỗ Văn T.

+ 7.000.000 đồng là số tiền Đỗ Đình Đ đặt cược ngày 29/6/2021 đã thanh toán cho Đỗ Văn T.

+ 4.600.000 đồng là số tiền Nguyễn Văn C đặt cược ngày 15/5/2021 đã thanh toán cho Đỗ Văn T.

+ 4.550.000 đồng là số tiền Hoàng Viết H đặt cược ngày 15/5/2021 đã thanh toán cho Đỗ Văn T.

- Buộc Đỗ Văn K nộp lại số tiền: 80.840.000 là số tiền đánh bạc giữa Đỗ Văn K và Đỗ Văn T (gồm 9.200.000 đồng là số tiền T đặt cược với K ngày 15/5/2021 + 8.290.000 là số tiền T đặt cược với K ngày 26/6/2021 + 36.000.000 đồng là số tiền đã được T trả thưởng ngày 26/6/2021 + 17.000.000 đồng là số tiền K sẽ phải trả thưởng cho Tứ trong ngày 30/6/2021 + 10.350.000 đồng là số tiền Khánh đặt cược và sẽ phải trả cho Tứ ngày 30/6/2021)

- Buộc Đỗ Văn H nộp lại số tiền: 2.018.990.000 đồng gồm:

+ 940.430.000 đồng là số tiền đánh bạc giữa Đỗ Văn T và Đỗ Văn H (gồm 905.430.000 đồng là số tiền Đỗ Văn T đặt cược trước ngày 30/6/2021 đã trả cho Đỗ Văn H + 35.000.000 đồng là số tiền Đỗ Văn T thắng cược trong ngày 30/6/2021 Đỗ Văn H sẽ phải trả cho Đỗ Văn T).

+ 610.390.000 đồng là số tiền đặt cược của Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Đỗ Văn H.

+ 404.270.000 đồng là số tiền đặt cược của Lê Huy N đã thanh toán cho Đỗ Văn H.

+ 37.050.000 đồng là số tiền đặt cược của Lộc Văn Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H.

+ 15.750.000 đồng là số tiền đặt cược của Hoàng Đình Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H.

+ 11.100.000 đồng là số tiền Hồng thắng cược đã được Đinh Thanh T chi trả.

- Buộc Đinh Thanh T nộp lại số tiền: 27.604.000 đồng là số tiền Đỗ Văn H đã dùng mua số lô, số đề của Đinh Thanh T.

- Buộc Đỗ Huy H nộp lại số tiền: 1.910.000 đồng là số tiền Hào mua số lô, số đề của Đỗ Văn T.

- Buộc Nguyễn Văn V nộp lại số tiền: 2.070.000 đồng là số tiền mua số lô của Đỗ Văn T.

- Buộc Vi Văn N nộp lại số tiền: 690.000 đồng là số tiền mua số lô của Đỗ Văn T.

- Buộc Lò Văn T nộp lại số tiền: 53.500.000 đồng gồm:

+ 6.300.000 là số tiền Lò Văn T đánh bạc với Đỗ Văn T (gồm 4.000.000 đồng thắng cược ngày 29/6/2021 đã được T thanh toán và 2.300.000 đồng đặt cược ngày 30/6/2021 sẽ phải thanh toán cho Đỗ Văn T).

+ 4.000.000 đồng là số tiền Lò Văn T thắng cược ngày 04/7/2021 đã được Hà Thị B chi trả.

+ 43.200.000 đồng là số tiền Lò Văn T thắng cược đã được Đỗ Ngọc D chi trả.

- Buộc Nguyễn Văn N nộp lại số tiền: 4.600.000 đồng là số tiền Nguyễn Văn N mua số lô của Đỗ Văn T.

- Buộc Hà Thị B nộp lại số tiền 2300.000 đồng là số tiền đã thu của Lò Văn T trong ngày 04/7/2021.

- Buộc Đỗ Xuân P nộp lại số tiền 3.500.000 đồng là số tiền thắng cược trong ngày 29/6/2021 đã được Đỗ Văn T chi trả.

- Buộc Nguyễn Văn C nộp lại số tiền 4.800.000 đồng là số tiền thắng cược trong ngày 15/5/2021 đã được Đỗ Văn T chi trả.

- Buộc Hoàng Viết H nộp lại số tiền 3.500.000 đồng là số tiền thắng cược trong ngày 15/5/2021 đã được Đỗ Văn T chi trả.

- Buộc Đỗ Ngọc D nộp lại số tiền 514.190.000 đồng, gồm:

+ 19.090.000 đồng là số tiền Lò Văn T đặt cược đã chi trả cho Đỗ Ngọc D.

+ 495.100.000 đồng là số tiền thắng cược đã được Đỗ Văn H thanh toán.

- Buộc Lê Huy N nộp lại số tiền 457.590.000 đồng là số tiền thắng cược đã được Đỗ Văn H chi trả.

- Buộc Lộc Văn Q nộp lại số tiền 99.500.000 đồng là số tiền thắng cược đã được Đỗ Văn H chi trả.

- Buộc Hoàng Đình Q nộp lại số tiền 14.000.000 đồng là số tiền thắng cược đã được Đỗ Văn H thanh toán.

Đối với số tiền mua số lô, số đề của những người chơi còn lại và số tiền những người này thắng cược mà Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Hà Thị B, Đinh Thanh T phải trả cho họ do dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên không yêu cầu những người có liên quan phải nộp lại.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 06 chiếc điện thoại các bị cáo đã dùng để gọi điện, nhắn tin mua bán số lô, đề với nhau.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Tranh luận tại phiên tòa và lời nói sau cùng các bị cáo đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên, tuy nhiên, các bị cáo đề nghị xem xét giảm mức hình phạt và việc truy thu số tiền đánh bạc là quá lớn, không phù hợp với tình chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo vì thực tế khi các bị cáo đánh bạc chưa chuyển tiền cho nhau mà chỉ đánh trừ nợ, thực tế các bị cáo chỉ thanh toán ít, số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là không nhiều, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bản thân, gia đình để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên cho rằng việc đề nghị mức hình phạt với các bị cáo căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo trong vụ án là phù hợp, còn đối với biện pháp tư pháp là truy thu số tiền mà các bị cáo thỏa thuận đánh bạc với nhau, số tiền này là phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần truy thu là phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về những nhận định chung.

[1.1]. Về hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt và có một số người vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố các vấn đề liên quan đến hành vi phạm tội, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được xác minh làm rõ. Vì vậy, sự vắng mặt của họ không gây

cản trở đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này là không vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và Viện khoa học hình sự Bộ Công An; Biên bản khám xét; Biên bản kiểm tra dữ liệu di động bị tạm giữ trong vụ án.... Các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, đề được thua bằng tiền, đây là hình thức đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Viết H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự ra trước Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 là có cơ sở.

[3] Về tính chất, hành vi của các bị cáo.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo trong vụ án lợi dụng Kết quả Xổ số Miền Bắc mở thưởng hằng ngày để thực hiện hành vi cá cược thắng, thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô, đề, mặc dù các bị cáo nhận thức được đây là hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước nhưng vẫn thực hiện với mục đích thu lợi bất chính không thông qua lao động, điều này gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Do đó, việc xử lý hình sự đối với các bị cáo trong vụ án là rất cần thiết.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo trong vụ án đều là người thực hành, hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

1. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2020 đến 30/6/2021 Đỗ Văn T đã mua số lô, đề của Đỗ Văn H tổng cộng 83 ngày với số tiền 1.673.130.000 đồng, trong đó có 70 ngày có số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng và có 07 ngày số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 1.658.430.000 đồng và Đỗ Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 117.050.000 đồng.

2. Đỗ Văn T đã mua số lô, đề của Đỗ Văn K 01 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng và 01 ngày số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng, với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 91.200.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

Ngoài ra trong điện thoại di động của Đỗ Văn T lưu trữ các bức ảnh chụp mà Đỗ Văn K gửi qua ứng dụng Zalo là kết quả tính toán, thắng thua liên quan

đến việc mua bán số lô, đề trong ngày 26, 30/6/2021 chỉ thể hiện số tiền cược, số tiền thắng cược nhưng không thể hiện cụ thể số lô, đề nào, số tiền cược mỗi số là bao nhiêu và không nhớ đã trúng số lô, đề nào, số tiền cược bao nhiêu và không có căn cứ liệu khác liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề trong hai ngày trên, vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự trong hai ngày nêu trên.

3. Nguyễn Văn C đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với tổng số phải chịu trách nhiệm hình sự là 9.400.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

4. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2021 đến ngày 30/6/2021 Lò Văn T đã mua số lô, đề của bị cáo Đỗ Văn T tổng cộng là 13 ngày với tổng số tiền 27.980.000 đồng trong đó có 02 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.600.000 đồng và Lò Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn T số tiền 4.170.000 đồng.

5. Vi Văn N đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với tổng số tiền chịu trách nhiệm hình sự là 5.490.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

Ngoài ra, ngày 02, 03/7/2019 Vi Văn N nhận tin mua số lô, đề nhưng không thể hiện số tiền cược mua mỗi số nên Đỗ Văn T không đồng ý bán các số lô, đề trên nên hành vi mua bán số lô, đề của Vi Văn N và Đỗ Văn T ngày 02, 03/7/2019 không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự trong 02 ngày trên.

6. Nguyễn Văn V đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với tổng số tiền chịu trách nhiệm hình sự là 5.270.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

7. Nguyễn Văn N đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.600.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

Ngoài ra vào khoảng giữa tháng 6/2021 Nguyễn Văn N mua số lô, đề của Đỗ Văn T nhưng không nhớ cụ thể mua những số lô, đề nào, tiền cược mỗi số là bao nhiêu, không có chứng cứ, tài liệu khác chứng minh và thua cược số tiền 4.600.000 đồng đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Đỗ Văn T, nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

8. Đỗ Xuân P đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T tổng cộng 03 ngày với tổng số tiền đánh là 9.170.000 đồng, trong đó có ngày 29/6/2021 số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tổng số tiền chịu trách nhiệm hình sự là 7.270.000 đồng và chưa thanh toán với nhau. Đối với hành vi đánh bạc ngày 30/6/2021 với số tiền 600.000 đồng bị phát hiện trước và Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét.

9. Đỗ Đình Đ đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 7.000.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

10. Hoàng Viết H đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 15/5/2021 với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.050.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

11. Đỗ Huy H đã mua số lô, đề của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021 với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.310.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

Vào ngày 29/6/2021 Đỗ Huy H có gọi điện thoại cho Đỗ Văn T để đặt mua cho Lê Văn MM (Lô 17) và Đỗ Văn HH (Lô 61) là họ hàng của Đỗ Huy H, nhưng chưa nói về mức cược thì cuộc gọi bị ngắt nên hành vi mua bán số lô, đề ngày 29/6/2021 của Đỗ Huy H, Lê Văn MM, Đỗ Văn HH và Đỗ Văn T không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự.

12. Từ ngày 04/7/2021 đến ngày 10/7/2021 Lò Văn T đã mua số lô, đề của Hà Thị B với tổng cộng 05 ngày với tổng số tiền 12.460.000 đồng, trong đó có ngày 04/7/2021 số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 6.300.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

13. Trong khoảng thời gian từ ngày 21/4/2021 đến ngày 17/6/2021 Lò Văn T đã mua số lô, đề của Đỗ Ngọc D tổng cộng là 47 ngày với tổng số tiền là 159.390.000 đồng, trong đó có 09 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 62.290.000 đồng và Đỗ Ngọc D đã thanh toán số tiền 2.730.000 đồng và Lò Văn T đã thanh toán số tiền 5.420.000 đồng.

14. Trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2020 đến ngày 30/6/2021 Đỗ Ngọc D đã mua số lô, đề với Đỗ Văn H tổng cộng là 143 ngày với tổng số tiền 1.250.565.000 đồng, trong đó có 78 ngày số tiền đánh bạc từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng và 02 ngày số tiền đánh bạc trên 50.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 1.105.490.000 đồng và Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 93.365.000 đồng.

15. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/9/2020 đến ngày 30/6/2021 Lê Huy N đã mua số lô, đề của Đỗ Văn H tổng cộng là 151 ngày với tổng số tiền 1.069.254.000 đồng và có 81 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 861.297.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

16. Trong khoảng thời gian từ 03/10/2020 đến ngày 27/6/2021 Lộc Văn Q đã mua số lô, đề của Đỗ Văn H tổng cộng là 43 ngày với số tiền 217.230.000 đồng trong đó có 10 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, tổng số phải chịu trách nhiệm hình sự là 136.550.000 đồng và Lộc Văn Q đã thanh toán số tiền 25.050.000 đồng.

17. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2021 đến ngày 27/6/2021 Hoàng Đình Q đã mua số lô, đề của Đỗ Văn H tổng cộng là 18 ngày với tổng số tiền 64.610.000 đồng trong đó có 04 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng tương ứng với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là 29.750.000 đồng và Hoàng Đình Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 15.870.000 đồng và Đỗ Văn H thanh toán cho Hoàng Đình Q số tiền 16.450.000 đồng.

18. Trong thời gian 03 ngày 11, 26/12/2020, 08/5/2021 Đỗ Văn H đã mua số lô, đề của Đinh Thanh T trên 5.000.000 đồng, tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự 39.504.000 đồng và chưa thanh toán với nhau.

Quá trình nghiên cứu vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Trong Kết luận giám định số 02/KL-KTHS ngày 10/02/2023 được lưu trữ trong 01 (Một) đĩa DVD-R ký hiệu 1-16X SPEED của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và được trích tại các bút lục số 2287 đến 2328 trong hồ sơ vụ án, theo lời khai của cáo Đỗ Văn H trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện trong điện thoại của bị cáo có lưu trữ các tin nhắn liên quan đến việc mua bán số lô, đề nhưng bị cáo không nhớ đó là số điện thoại của ai và không xác định được ngày gửi tin nhắn, bị cáo không xác nhận là đã bán các số lô, đề này và không tính toán được kết quả thắng thua đối với các tin nhắn này nên hành vi mua bán số lô, đề không diễn ra và quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng đã đề nghị xác minh chủ thuê báo sử dụng các số điện thoại nhưng không có kết quả. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự bị cáo Đỗ Văn H đối với hành vi đánh bạc trong các tin nhắn này.

- Trong Kết luận giám định số 357/KL-KTHS ngày 07/12/2022 được lưu trữ trong 01 (Một) USB Kingstore 32gb của Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại mục A3 trong nội dung Tin nhắn từ số điện thoại 0334862906, theo lời khai của Đỗ Huy H tại phiên tòa thì nội dung tin nhắn có liên quan đến hành vi mua bán số lô, đề, tuy nhiên, bị cáo không nhớ đó là số điện thoại của ai, bị cáo chưa xác nhận việc mua bán số lô, đề và không thể hiện ngày nhận tin nên không so sánh được kết quả thắng thua. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự bị cáo Đỗ Huy H đối với hành vi đánh bạc trong các tin nhắn này.

Hành vi đánh bạc của các đối tượng Trịnh Viết Đ01, Lương Thị P01, Vi Văn T01, Đỗ Huy H01, Nguyễn Bằng G01, Đỗ Khắc H01, Nguyễn Văn Q01, Hoàng Sỹ M01, Quân Đình N01, Đình Văn T01, Lục Văn S01, Lương Văn H01, Lộc Văn T01, Trần Văn D01, Đình Thành N01, Vi Văn T01, Đỗ Đình T01, Đỗ Đình Q01, Dương Thị N01, Phạm Thị T01 số tiền các đối tượng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng và các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về các hành vi phạm tội quy định tại Điều 321 hoặc Điều 322 của Bộ luật hình sự. Đối với Đỗ Huy H01 đã bị Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về hành vi đánh bạc tại Bản án hình sự số 11/2014/HSST ngày 13/3/2014; Ngày 23/7, 03/11/2017 bị Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và Trần Văn D01, ngày 30/8/2017 bị Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm, nên không đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng đề nghị Công an huyện ML, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính đối với Lương Thị P01, Đỗ Huy H01, Lương Văn H01, Lộc Văn T01, Vi Văn T01, do số tiền

đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. Ngoài ra các bị cáo trong vụ án gồm Đỗ Ngọc D, Đỗ Xuân P, Đinh Thanh T bị đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đánh bạc trong ngày 30/6/2021 do số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng và bị khởi tố về tội đánh bạc đối với các ngày đánh bạc trên 5.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi đánh bạc dưới 5.000.000 đồng gồm Nguyễn Bằng G01; Đỗ Khắc H01; Nguyễn Văn Q01; Hoàng Sỹ M01; Quản Đình N01; Đinh Văn T01; Lục Văn S01; Đinh Thành N01; Vi Văn T01; Đỗ Thị H01; Đỗ Đình T01; Đỗ Đình Q01; Dương Thị N01 đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật xử phạt vi phạm hành chính nên không kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên tất cả 18 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Hoàng Viết H, Đỗ Huy H, Vi Văn N, Đỗ Xuân P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Các bị cáo Vi Văn N và Nguyễn Văn N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì các lý do:

Bị cáo Vi Văn N được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh Thanh Hóa tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2017, 2018, Giấy khen năm 2010, 2012, 2017, 2019, Lao động tiên tiến năm 2012, 2014, 2015; Ban chấp hành Đảng bộ xã MC, huyện ML tỉnh Thanh Hóa tặng Giấy khen năm 2015, 2016 và Ban chấp hành lao động tỉnh Thanh Hóa tặng Bằng khen năm 2019. Bị cáo Nguyễn Văn N được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ML năm 2021, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa tặng Giấy khen năm 2005, 2006, Chiến sỹ tiên tiến năm 2012, Chiến sỹ giỏi năm 2000 đây là các hình thức khen thưởng đối với người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác.

+ Các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Đỗ Đình Đ, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì các lý do sau:

Bị cáo Nguyễn Văn N có bố đẻ là ông Nguyễn Ngọc C1 là thương binh và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sỹ giải

phóng hạng nhì, ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, mẹ đẻ là bà Trần Thị T6 tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Đỗ Văn K có bố đẻ là ông Đỗ Văn C1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ đẻ là Lê Thị B2 chứng nhận là tham gia dân công hỏa tuyến; Bị cáo Đỗ Văn H có bố đẻ là ông Đỗ Văn Đ1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, ông Đình T9 là bố đẻ của Đỗ Thị T1 là vợ của Đỗ Văn H đang thờ cúng mẹ Việt Nam anh hùng và hai liệt sỹ; Bị cáo Nguyễn Văn C được Ủy ban nhân dân huyện ML tặng thưởng Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2020, Giấy khen năm 2013, 2016, 2022, Lao động tiên tiến năm 2016, Ban chấp hành công đoàn giáo dục huyện ML tặng Giấy khen năm 2015, có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T7 là thương binh và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị tặng thưởng Kỷ niệm chương năm 2011; Bị cáo Lộc Văn Q được tặng thưởng gồm Bộ giáo dục và đào tạo tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện ML Giấy khen năm 2010, 2016, 2019, Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2022, Giấy khen gồm Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Thanh Hóa năm 2016, Ban chấp hành Công đoàn giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm 2009, 2011, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa năm 2010, Ban chấp hành liên đoàn lao động huyện ML năm 2010, có bố đẻ là ông Lộc Văn M1 tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, Huy hiệu 55 tuổi Đảng, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân vận năm 2007, Cựu chiến binh Việt Nam và Ban liên lạc cựu chiến binh MT B5-D9; Bị cáo Lò Văn T được Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen năm 2013, Giấy khen gồm Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh Thanh Hóa năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2018, 2019, 2020, Ban chấp hành liên đoàn lao động huyện ML năm 2017, Ban chấp hành Đảng bộ xã MC năm 2018, 2019, Ban chấp hành Công đoàn cơ sở xã MC năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MC tặng Giấy khen, lao động tiên tiến năm 2017; Bị cáo Vi Văn N có vợ là Lương Thị S1 được Bằng khen gồm Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam năm 2016, 2019, Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Thanh Hóa năm 2004, 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa năm 2018, Giấy khen gồm Ban chấp hành đảng bộ huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2019, 2020, 2021, Hội liên hiệp phụ nữ huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2019, Ban chấp hành liên đoàn Lao động huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2018, Ban chấp hành đảng bộ xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2018, 2019, Ban chấp hành công đoàn xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa năm 2018; Bị cáo Đỗ Đình Đ có bố đẻ là ông Đỗ Đình N4 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hàng nhì; Lê Huy N có bà cố nội là Bùi Thị K7 là Mẹ Việt Nam anh hùng, ông nội là Lê Duy T11 là liệt sỹ, bà nội là Nguyễn Thị L11 tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị V1 được Nhà nước Lào tặng thưởng bằng khen, giấy khen, Kỷ niệm chương năm 2020; Bị cáo Đỗ Ngọc D đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng, có ông Đỗ Đình T12 là bố đẻ của chị Đỗ Thị B1 là vợ của Đỗ Ngọc D đang thờ cúng mẹ Việt Nam anh hùng và hai liệt sỹ. Các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính gồm Đỗ Văn T là 50.000.000 đồng, Hoàng Đình Q là 10.000.000 đồng.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T đều có từ 02 lần trở lên số tiền mỗi lần đánh bạc trên 5.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T có nộp Giấy khen của Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi huyện QH tuy nhiên đây chỉ là tổ chức xã hội từ thiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; vận động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, bị cáo Đỗ Ngọc D có nộp Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã MC trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2023, tuy nhiên đây là phong trào do địa phương phát động không phải là thành tích khen thưởng, đồng thời, Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q, đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là không xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T là có cơ sở.

[5]. Về tính chất hành vi và quyết định hình phạt của các bị cáo.

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D và Đỗ Văn K: Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, các bị cáo vừa là người mua số lô, đề vừa là người bán số lô, đề, bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H và Đỗ Ngọc D thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, đề với nhiều bị cáo và đối tượng khác, Đỗ Văn T đánh bạc với 11 bị cáo và 13 đối tượng khác, trong đó có 81 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng và 08 ngày trên 50.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Ngọc D đánh bạc với 02 bị cáo trong đó có 87 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng và 02 ngày trên 50.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Văn K đánh bạc 02 ngày trong đó có 01 ngày trên 5.000.000 đồng và 01 ngày trên 50.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Văn H đánh bạc với 06 bị cáo trong đó có 246 ngày trên 5.000.000 đồng và 09 ngày trên 50.000.000 đồng. Bị cáo Đỗ Văn H ngày 23/8/2013 bị Công an huyện ML tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Hành vi của các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Văn K và Đỗ Ngọc D là nguy hiểm cho xã hội, do vậy, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, ăn năn, suy nghĩ về những lỗi lầm mà mình gây ra để sớm quay về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Đỗ Văn T được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2021 đến ngày 29/9/2021.

Bị cáo Đỗ Văn K được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/7/2021 đến ngày 29/9/2021.

Bị cáo Đỗ Văn H được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021.

Bị cáo Lê Huy N bị truy tố theo khoản 1 Điều 321 BLHS, bị cáo trực tiếp đánh bạc với 151 ngày trong đó có 81 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc lớn, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về nhân thân ngày 30/8/2017 bị Công an huyện ML tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng đồng về hành vi đánh bạc. Hành vi đánh bạc của Lê Huy N là nguy hiểm cho xã hội thể hiện sự coi thường pháp luật, xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, ăn năn, suy nghĩ về những lỗi lầm mà mình gây ra để sớm quay về với gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Lò Văn T bị truy tố theo khoản 1 Điều 321 BLHS, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PN, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa bản thân bị cáo là người có chức vụ lãnh đạo, trình độ nhận thức cao nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc với 03 bị cáo khác trong vụ án với 65 ngày trong đó có 12 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng, hành vi đánh bạc của bị cáo bị phát hiện vào ngày 30/6/2021 nhưng Lò Văn T vẫn tiếp tục mua số lô, đề vào các ngày 04, 05, 06, 09, 10 tháng 7 năm 2021 với bị cáo Hà Thị B. Đối với bị cáo Lộc Văn Q bị truy tố theo khoản 1 Điều 321 BLHS, lúc thực hiện hành vi phạm tội là Giáo viên là Phó bí thư, Phó hiệu trưởng Trường tiểu học xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo đánh bạc tổng cộng là 44 ngày trong đó có 10 ngày số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng. Bị cáo Lò Văn T và Lộc Văn Q có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn T và Lộc Văn Q là những người giữ chức vụ lãnh đạo trong cơ quan chính quyền và trường học, bản thân các bị cáo có trình độ học vấn cử nhân, trình độ nhận thức cao mặc dù biết hành vi mua bán số lô, đề bị pháp luật cấm nhưng vì mục đích thu lợi bất chính không thông qua lao động chính đáng mà lại thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc trong nhiều ngày và Lò Văn T còn mua bán số lô, đề với nhiều người, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện vẫn tiếp tục thực hiện đánh bạc, do đó hành vi của các bị cáo Lò Văn T, Lộc Văn Q là nguy hiểm cho xã hội thể hiện sự coi thường pháp luật, xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt tù đối với các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, ăn năn, suy nghĩ về những lỗi lầm mà mình gây ra để sớm quay về với gia đình và xã hội

Đối với bị cáo Hoàng Đình Q và Đinh Thanh T bị truy tố theo khoản 1 Điều 321 BLHS và các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và Hoàng Đình Q là khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, nhưng các bị cáo có số ngày đánh bạc trên 5.000.000 đồng là Hoàng Đình Quân là 04 ngày và Đinh Thanh T là 03 ngày, các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xét xử lần nào, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi cư trú rõ ràng, do đó áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đinh Thanh T và Hoàng Đình Q cũng đủ cho các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Nguyễn Văn V trực tiếp tham gia đánh bạc, đã từng có tiền án về tội gây rối trật tự công cộng năm 1997 đã được xóa và coi như chưa vi phạm, do đó áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đinh Thanh T, Hoàng Đình Q và Nguyễn Văn V gia đình hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có công ăn việc làm ổn định vì vậy, không khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Hoàng Việt H, Đỗ Huy H, Vi Văn N, Đỗ Xuân P: Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Riêng bị cáo Vi Văn N, Nguyễn Văn N quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập, công tác. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Hoàng Việt H, Đỗ Huy H, Vi Văn N, Đỗ Xuân P đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, các bị cáo Lò Văn T, Lộc Văn Q có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo khác nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn và có những bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc, có xem xét khi quyết định hình phạt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, do đó để cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên.

Về hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên

các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q đều thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q có nhiều ngày đánh bạc trên 5.000.000 đồng (Lê Huy N là 81 ngày, Lò Văn T là 12 ngày, Lộc Văn Q là 10 ngày). Bị cáo Lê Huy N đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo Lò Văn T và Lộc Văn Q đều là những người giữ chức vụ lãnh đạo trong cơ quan chính quyền và trường học, bản thân các bị cáo có trình độ nhận thức cao nhưng thực hiện hành vi đánh bạc trong đó có nhiều ngày đánh bạc trên 5.000.000 đồng, bị cáo Lò Văn T sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện vẫn tiếp tục đánh bạc. Ngoài ra các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức hành vi đánh bạc bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn, làm xấu đi hành ảnh của người cán bộ, đảng viên và uy tín chính quyền địa phương, trường học nơi các bị cáo công tác. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q là chưa thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, chưa đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nói riêng cũng như chưa đảm bảo mục đích giáo dục, phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

Về đề nghị hình phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Đình Q, Đình Thanh T và Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo Hoàng Đình Q, Đình Thanh T có số ngày đánh bạc trên 5.000.000 ít hơn số ngày đánh bạc trên 5.000.000 đồng và số tiền chịu trách nhiệm hình sự so với bị cáo Lê Huy N, Lò Văn T và Lộc Văn Q. Bị cáo Hoàng Đình Q, Đình Thanh T và Nguyễn Văn V có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hoàng Đình Q có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn V đã từng có tiền án về tội gây rối trật tự công cộng năm 1997 đã được xóa và coi như chưa vi phạm. Bị cáo Hoàng Đình Q và Đình Thanh T chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật. Các bị cáo Hoàng Đình Q, Đình Thanh T, Nguyễn Văn V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội còn hình phạt tiền chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về đề nghị mức hình phạt với các bị cáo khác là phù hợp.

Về biện pháp tư pháp của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền các bị cáo đã thỏa thuận đánh bạc với nhau, Hội đồng xét xử thấy, đối với số tiền đánh bạc của các bị cáo trong vụ án chỉ là số tiền mà các bị cáo có thỏa thuận nhận đánh với nhau nhưng thực tế việc giao nhận tiền của các bị cáo chưa diễn ra, nên không có căn cứ chứng minh đối với số tiền này để tịch thu. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị này.

[7]. Về biện pháp tư pháp.

Trong vụ án các bị cáo mua bán số lô, đề nhưng chưa thanh toán với nhau, cơ quan điều tra không thu được trên thực tế nên không tịch thu mà chỉ là căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận có thanh toán với nhau tiền cược hoặc trúng số lô, đề đây là số tiền thu lợi bất chính nên áp dụng quy định tại b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Đỗ Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 117.050.000 đồng. Truy thu của Đỗ Văn H số tiền 117.050.000 đồng.

- Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 93.365.000 đồng. Truy thu của Đỗ Văn H số tiền 93.365.000 đồng.

- Lộc Văn Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 25.050.000 đồng. Truy thu của Đỗ Văn H số tiền 25.050.000 đồng

- Hoàng Đình Q đã thanh toán cho Đỗ Văn H số tiền 15.870.000 đồng và Đỗ Văn H thanh toán cho Hoàng Đình Q số tiền 16.450.000 đồng. Truy thu của Đỗ Văn H số tiền 15.870.000 đồng và Hoàng Đình Q số tiền 16.450.000 đồng.

- Lò Văn T đã thanh toán cho Đỗ Văn T số tiền 4.170.000. Truy thu của Đỗ Văn T số tiền 4.170.000 đồng.

- Đỗ Ngọc D đã thanh toán cho Lò Văn T số tiền 2.730.000 đồng và Lò Văn T đã thanh toán cho Đỗ Ngọc D số tiền 5.420.000 đồng. Truy thu của Lò Văn T số tiền 2.730.000 đồng và Đỗ Ngọc D số tiền 5.420.000 đồng

Tổng số tiền truy thu của các bị cáo như sau: Đỗ Văn H là 251.335.000 đồng; Hoàng Đình Q là 16.450.000 đồng và được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại tại Cơ quan thi hành án Quân khu 4 số tiền còn lại phải nộp là 6.450.000 đồng; Lò Văn T là 2.730.000 đồng; Đỗ Ngọc D là 5.420.000 đồng và được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tại Cơ quan thi hành án Quân khu 4, số tiền còn lại 4.580.000 đồng trả lại cho bị cáo; Đỗ Văn T là 4.170.000 đồng và được trừ đi số tiền 50.000.000 đồng đã nộp tại tại Cơ quan thi hành Quân khu 4, số tiền còn lại là 45.830.000 đồng trả lại cho bị cáo.

[8] Xử lý vật chứng:

Đối với 06 (Sáu) chiếc điện thoại di động bao gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động, màu sữa, nhãn hiệu OPPO F11 PRO, kiểu máy: CPH1969, số IMEI 1: 8639 8004 3440 394, số IMEI 2: 8639 8004 3440 386. IMEI SV: 15, số sê-ri: IF8DDEY59LCAZSUK. Trên máy có gắn 02 (hai) sim điện thoại không xác định được số thuê bao trên sim. Trên sim số 1 có các dãy số 89840; 20001; 06441; 17053. Trên sim 2 có các dãy số 8984; 0488 3100; 4884; 100.

- 01 (Một) điện thoại di động, màu đỏ, nhãn hiệu OPPO F9, kiểu máy: CPH1825, số IMEI 1: 8663 7604 8288 291, số IMEI 2: 8663 3760 4828 8283,

IMEI SV: 18, số sê-ri: TS6LUOSK9DTKHQ4H. Trên máy có gắn 02 (hai) sim điện thoại không xác định được số thuê bao trên sim. Trên sim 1 có các dãy số: 8984; 04800; 88128; 96277. Trên sim 2 có các dãy số 8984; 04800; 00288; 15620.

- 01 (Một) điện thoại di động, màu đen, nhãn hiệu OPPO A71, kiểu máy: CPH1801, số IMEI 1: 8684 9903 6812 035, số IMEI 2: 8684 9903 6812 027, IMEI SV: 26, số sê-ri: 207614d9. Trên máy có gắn 02 (hai) sim điện thoại, không xác định được số thuê bao trên sim. Trên sim 1 có các dãy số 8984; 0488; 4100; 3043; 140. Trên sim 2 có các dãy số: 8984; 04800; 68229.

- 01 (Một) điện thoại di động của hãng SAMSUNG, màu xanh, loại Galaxy A50, số IMEI 1: 356646102590114, số IMEI 2: 356647102590112. Trên máy có gắn 01 sim điện thoại không xác định được số thuê bao trên sim. Trên sim có các dãy số: 89840; 20001; 06012; 68451.

- 01 (Một) điện thoại màn hình cảm ứng màu xanh của hãng SAMSUNG, trên thân máy mặt phía sau có dãy chữ SM-A570FN/DS DESIGNED & ENGINEERED BY SAMSUNG. IMEI 1: 358193/10/261626/6. Bên trong máy có gắn 01 sim điện thoại của nhà mạng Viettel, trên thân sim có ký hiệu các số: 8984; 0488; 5100; 1620; 178.

- 01 (Một) điện thoại màn hình cảm ứng của hãng SAMSUNG, loại Galaxy J7 Prime, màu đen, có số sê-ri R58J33B59TR, số IMEI 1: 357625082747604, số IMEI 2: 357651082747600. Trên máy có gắn kèm theo 01 (một) sim điện thoại không xác định được số thuê bao trên sim. Trên sim có các dãy số: 8984; 04800; 88128; 96056.

Tất cả các máy điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra hiện trạng máy. Tại phiên tòa xác định được đây là các phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Toàn bộ số vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2023 giữa Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 và Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng.

Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra hình sự khu vực 1 Bộ đội Biên phòng đã trả lại cho Đỗ Thị Quế 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu tím, nhãn hiệu OFFO F11, PRO, kiểu máy CPH 1969, số seri 4L6S6T9LQWCF6WW9 và Đinh Thanh T 01 (Một) chiếc điện thoại di động SAMSUNG GALAXY J7 PRIME, số seri R58JB103XLH; Lương Văn H01 01 (Một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A3S màu đỏ, kiểu máy CPH 1803 trên máy có gắn 02 sim và số tiền 90.000.000 đồng của chị Đặng Thị H1, việc xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 (hai) đĩa CD được gửi kèm Kết luận giám định số 2761/PC09 ngày 31/8/2021 và Kết luận giám định số 2690/PC09 ngày 24/8/2021 của Phòng PC09 Công an tỉnh Thanh Hóa; 01 (Một) đĩa DVD-R ký hiệu 1-16X SPEED là

dữ liệu Kết luận số 02/KL-KTHS ngày 10/02/2023 và 01 (Một) USB Kingstore 32gb kèm theo Kết luận giám định số 357/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và 14 (Mười bốn) phiôi ghi số lô, đề thu giữ khi khám xét chỗ ở của Đỗ Văn T ngày 30/6/2021, trên phiôi có chữ ký của Đỗ Văn T để lưu trữ gửi kèm theo hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Việt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Việt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K. Xử phạt:

- Đỗ Văn T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án và được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2021 đến ngày 29/9/2021.

- Đỗ Văn H 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án và được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2021 đến ngày 09/7/2021.

- Đỗ Ngọc D 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Đỗ Văn K 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án và được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/7/2021 đến ngày 29/9/2021.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q. Xử phạt:

- Lê Huy N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lò Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lộc Văn Q 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Đình Q; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T. Xử phạt:

- Hoàng Đình Q 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Ủy ban nhân dân xã QC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục Hoàng Đình Q trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Đinh Thanh T 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Ủy ban nhân dân thị trấn SL, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục Đinh Thanh T trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Nguyễn Văn V 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục Nguyễn Văn V trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo để sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Việt H, Nguyễn Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H; điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn N, Vi Văn N; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Vi Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Đỗ Đình Đ. Xử phạt:

- Hoàng Việt H số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

- Nguyễn Văn C số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

- Vi Văn N số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.
- Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.
- Đỗ Xuân P số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.
- Đỗ Đình Đ số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.
- Hà Thị B số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.
- Đỗ Huy H số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 06 (Sáu) chiếc điện thoại.

Toàn bộ số vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2023 giữa Tòa án quân sự khu vực Quân khu 4 và Viện kiểm sát quân sự khu vực 1 Bộ đội biên phòng.

3. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo như sau:

- Buộc Đỗ Văn T phải nộp số tiền là 4.170.000 (Bốn triệu một trăm mười nghìn) đồng, ghi nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan thi hành án Quân khu 4 số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, trả lại cho bị cáo số tiền 45.830.000 (Bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Buộc Đỗ Văn H phải nộp số tiền là 251.335.000 (Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc Lò Văn T phải nộp số tiền là 2.730.000 (Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng.

- Buộc Hoàng Đình Q phải nộp số tiền là 16.450.000 (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng ghi nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan thi hành án Quân khu 4 số tiền 10.000.000 (Mười triệu đồng) đồng, còn phải nộp số tiền là 6.450.000 (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc Đỗ Ngọc D phải nộp số tiền là 5.420.000 (Năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng, ghi nhận bị cáo đã nộp cho Cơ quan thi hành án Quân khu 4 số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, trả lại cho bị cáo số tiền 4.580.000 (Bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H, Đỗ Ngọc D, Đỗ Văn K, Lê Huy N, Lò Văn T, Lộc Văn Q, Hoàng Đình Q, Đinh Thanh T, Nguyễn Văn V, Hoàng Viết H, Nguyễn

Văn C, Vi Văn N, Nguyễn Văn N, Đỗ Xuân P, Đỗ Đình Đ, Hà Thị B, Đỗ Huy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/9/2023) đối với các bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4./.

Nơi nhận:

- VKSQSKV1BĐBP;
- VKSQSBĐBP;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAQSTW;
- CQĐTHSKV1BĐBP;
- THA HS; THA DS;
- Lưu: Hồ sơ, H40.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Trần Văn Hùng